TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Vinh;

2. Ông Vũ Công Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 về: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 11/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H Ng Mlô.

Địa chỉ: Thôn C, xã P (nay là tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Anh Y L Niê.

Nơi ĐKHKTT: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Chị H Hn Mlô.

- Nơi ĐKHKTT: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Buôn Xóm B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

3. Người phiên dịch cho đương sự: Ông Y M Niê – Đội phó Đội công tác 253 xã C.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2021, quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H Ng Mlô trình bày:

Giữa tôi và anh Y L, chị H Hn Mlô có quan hệ quen biết nhau từ trước, vào ngày 15/01/2020 tôi có cho anh Y L và chị H Hn vay số tiền gốc là 350.000.000

đồng. Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay tiền có thế chấp, có anh Y L Niê và chị H Hn Mlô ký nhận nợ, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 15/02/2020, không ghi thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng vay tiền, chỉ thỏa thuận miệng tính lãi 1,6%/1 tháng. Tôi đã giao đủ số tiền vay cho anh Y L, chị H Hn, trong hợp đồng cũng thể hiện nội dung kể từ thời điểm bên anh Y L, chị H Hn ký vào hợp đồng là xác nhận đã nhận đủ số tiền vay do tôi giao. Nội dung hợp đồng vay tiền cũng ghi nhận thông tin cá nhân của tôi và anh Y L, chị H Hn như số chứng minh nhân dân, hộ khẩu thường trú và các thỏa thuận giữa hai bên.

Tôi xác định số tiền vay 350.000.000 đồng là tiền vay gốc nên việc chị H Hn cho rằng số tiền này là tiền lãi phát sinh từ số tiền 650.000.000 đồng do chị H Hn và anh Y L vay tôi trong năm 2020 để đáo hạn Ngân hàng là không đúng sự thật, thực tế tôi chỉ cho anh Y L, chị H Hn vay duy nhất khoản tiền 350.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2020.

Đối với các nội dung tại mục IV – Cam kết chung trong hợp đồng nêu trên, ghi nhận nếu đến hạn thanh toán mà bên B (tức là anh Y L, chị H Hn) không hoàn trả đủ số tiền cho bên A (tức là tôi H Ng Mlô) thì bên B phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng số tài sản đã thế chấp cho bên A đúng theo quy định của pháp luật. Nội dung này là do mẫu hợp đồng vay tiền đã có sẵn, khi cho vay tiền tôi không nhận bất kỳ tài sản thế chấp nào từ anh Y L và chị H Hn.

Đối với nội dung nếu bên B không thực hiện hợp đồng thì bên A có quyền khởi kiện đến cơ quan pháp luật để đòi lại số tiền mà bên B đã vay, bao gồm cả lãi suất và lãi chậm trả. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình pháp luật can thiệp, bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán. Đây là nội dung ghi nhận về việc thỏa thuận lãi suất nên tôi mới khởi kiện yêu cầu anh Y L, chị H Hn phải trả tiền lãi phát sinh từ số tiền vay, trong đó có lãi trong hạn và lãi chậm trả, đối với các nội dung khác đều đã thể hiện trong hợp đồng, tôi không có ý kiến khác.

Kể từ ngay vay cho đến nay anh Y L, chị H Hn chưa trả được cho tôi khoản tiền gốc và tiền lãi nào dù tôi đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Y L và chị H Hn phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện, tôi yêu cầu anh Y L, chị H Hn phải trả cho tôi tiền lãi trong hạn trên số tiền vay gốc 350.000.000 đồng, tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/02/2020, với mức lãi là 1,6%/tháng, số tiền lãi là 350.000.000 đồng x 1,6%/tháng = 5.600.000 đồng.

Lãi quá hạn: Yêu cầu anh Y L, chị H Hn phải trả tiền lãi quá hạn tính trên số tiền vay gốc 350.000.000 đồng, từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/7/2021 là 17 tháng, với mức lãi là suất là 2,49%/tháng, số tiền lãi là 350.000.000 đồng x

2,49%/tháng x 17 tháng = 148.155.000 đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 5.600.000 đồng + 148.155.000 đồng = 153.755.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi tôi yêu cầu anh Y L và chị H Hn phải trả là 350.000.000 đồng + 153.755.000 đồng = 503.755.000 đồng.

Tại phiên toà tôi xin thay đổi yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hướng yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật, cùng với mức lãi là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, thời gian tính lãi trong hạn từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/02/2020, thời gian tính lãi quá hạn từ ngày 16/02/2020 đến ngày 15/7/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị H Hn Mlô trình bày:

Tôi và chị H Ng có quen biết nhau, về hợp đồng vay tiền có thế chấp ngày 15/01/2020 giữa tôi (H Hn Mlô và chồng là Y L Niê) với chị H Ng Mlô là do vợ chồng tôi ký, ghi tên tại chỗ *bên vay nhận đủ tiền*, chữ viết họ tên do vợ chồng tôi ký và viết ra, còn toàn bộ nội dung thông tin viết tay trong hợp đồng vay tiền, chữ viết về thông tin tên Y L Niê, H Hn Mlô, số chứng minh nhân dân của chúng tôi, số điện thoại, hộ khẩu thường trú, số tiền vay 350.000.000 đồng, mục đích vay, thời hạn vay tiền, ngày trả nợ là do chị H Ng viết.

Thực tế thì tôi và anh Y L Niê có vay của chị H NgMlô số tiền gốc là 650.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, vay trong năm 2020 nhưng tôi không nhớ rõ ngày, tháng vay số tiền 650.000.000 đồng, sau khi đáo hạn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Chi nhánh huyện K, thì tôi đã trả lại số tiền 650.000.000 đồng cho chị H Ng. Khi đó chị H Ng cũng không nói là chúng tôi phải trả lãi bao nhiêu cho số tiền vay 650.000.000 đồng.

Còn số tiền 350.000.000 đồng ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2020 là số tiền lãi phát sinh từ số tiền vay 650.000.000 đồng, nhưng chị H Ng tính lãi như thế nào để ra số tiền lãi 350.000.000 đồng và ghi trong hợp đồng vay tiền thì tôi không biết, đến nay số tiền 350.000.000 đồng thì tôi và anh Y L Niê chưa trả cho chị H Ng được khoản nào.

Tôi xác định số tiền 350.000.000 đồng không phải số tiền vay gốc mà là số tiền lãi tính trên số tiền 650.000.000 đồng tôi vay để đáo hạn Ngân hàng, chị H Ng cũng không nói cho tôi biết lãi vay tiền đáo hạn là bao nhiêu, nhưng chị H Ng ghi chúng tôi còn nợ số tiền 350.000.000 đồng là không đúng. Tôi không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

Nay chị H Ng Mlô khởi kiện yêu cầu tôi và anh Y L Niê phải trả cho chị H Ng Mlô số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, trả các khoản lãi trong hạn tính trên số tiền vay gốc 350.000.000 đồng, tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/02/2020 là 30 ngày, mức lãi suất 1,6%/ 1 tháng, số tiền lãi là 5.600.000 đồng. Trả số tiền lãi quá hạn tính trên số tiền vay 350.000.000 đồng, tính từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/7/2021 là 17 tháng, lãi suất là 2,49%/tháng, số tiền lãi là 148.155.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 503.755.000 đồng *(năm trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng)* thì tôi không đồng ý. Tôi đã được Thẩm phán giải thích về quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng tôi không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Y L Niê đã được Tòa án cấp, thông báo, tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, các giấy báo tham gia tố tụng, tham gia phiên họp, đối chất, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Y L Niê vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng có quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn chị H Hn Mlô và anh Y L Niê có nghĩa vụ trả cho chị H Ng Mlô số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

Về lãi suất: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc, với mức lãi 10%/năm của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng dân sự: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng bị đơn: Bị đơn đã được Toà án cấp, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, các giấy báo tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ 2 mà không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của phát luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng: Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2020, lời trình bày của chị H Ng, sự thừa nhận của chị H Hn về việc chị H Hn và anh Y L đã ký kết hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2020 nên có cơ sở xác định hai bên đã ký kết hợp đồng vay tiền nêu trên, nội dung ghi nhận việc chị H Ng cho anh Y L, chị H Hn Mlô vay số tiền 350.000.000 đồng, không thế chấp tài sản,

thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 15/02/2020 là phù hợp với chứng cứ là Hợp đồng vay tiền lập ngày 15/01/2020.

Quá trình giải quyết vụ án chị H Hn Mlô cho rằng số tiền vay 350.000.000 đồng ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2020 là tiền lãi phát sinh từ số tiền vay gốc 650.000.000 đồng do chị H Hn vay chị H Ng trong năm 2020 để đáo hạn Ngân hàng, chị H Hn không nhớ ngày, tháng vay số tiền 650.000.000 đồng, cũng không biết mức lãi vay số tiền 650.000.000 đồng là bao nhiêu để tính ra số tiền lãi 350.000.000 đồng, không đồng ý trả nợ gốc và lãi phát sinh nhưng chị H Hn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của chị H Hn là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ chứng cứ do nguyên đơn chị H Ng cung cấp có căn cứ xác định anh Y L và chị H Hn Mlô còn nợ chị H Ngsố tiền nợ gốc 350.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Đối với bị đơn anh Y L Niê quá trình giải quyết vụ án đã được cấp, thông báo, tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo tham gia tố tụng, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Y L đã không có văn bản nêu ý kiến, không có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do chị H Ng giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không hợp tác đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có có sở xác định, anh Y L và chị H Hn đã ký kết hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2020 để vay chị H Ng số tiền 350.000.000 đồng, khi quá hạn trả nợ chị H Ng đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh Y L, chị H Hn không trả nợ gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên chị H Ng khởi kiện yêu cầu anh Y L và chị H Hn phải trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2020, hai bên có thoả thuận về lãi suất nhưng không xác định rõ về mức lãi, thời gian tính lãi, số tiền lãi và có tranh chấp về lãi. Do chị anh Y L, chị H Hn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi của chị H Ng là có căn cứ. Tại phiên toà chị H Ng thay đổi một phần yêu cầu tính lãi theo hướng, yêu cầu anh Y L, chị H Hn phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn cùng với mức lãi 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 244, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận, tiền lãi được tính:

Lãi trong hạn tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/02/2020 là (01 tháng = 30 ngày), số tiền lãi là:

350.000.000 đồng x 0,83/tháng x 01 tháng = 2.905.000 đồng.

Lãi quá hạn tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày 15/7/2021 (tương ứng 01 năm 04 tháng 29 ngày = 514 ngày), số tiền lãi là:

350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 514 ngày : 30 = 49.772.333 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 52.677.333 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn là: 402.677.333 đồng.

[2.3] Từ những phân tích, nhận định trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Ng Mlô để buộc bị đơn anh Y L Niê và chị H Hn

Mlô có nghĩa vụ trả cho H Ng Mlô tổng số tiền 402.677.333 đồng, trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 52.677.333 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị H Ng được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bị đơn anh Y L và chị H Hn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật (theo mức tính 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn chị H Ng Mlô số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 244, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466 và khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Ng Mlô.

Buộc bị đơn anh Y L Niê và chị H Hn Mlô có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị H Ng Mlô tổng số tiền 402.677.333 đồng, trong đó nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 52.677.333 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn anh Y L Niê và chị H Hn Mllô phải chịu 20.107.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm *(đã làm tròn số tiền án phí).*

Hoàn trả cho nguyên đơn chị H Ng Mlô số tiền 12.075.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0003720 ngày 19/8/2021 của Chị cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Thái Văn Hải